

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 55/2020/HS-ST.

Ngày: 17-6-2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Điệp.

2. Bà Trần Thanh Phương.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Đỗ Nhật T** (tên gọi khác: T1). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 09/01/1990. Tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn N, sinh năm 1965 và bà Lê Thị S, sinh năm 1964; Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 05 anh chị em. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 16/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc phải chấp hành 02 năm 10 tháng tù. Ngày 24/3/2018 đã chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 18/02/2007 có hành vi đánh nhau bị Công an L, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2019 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N1.

**2. Trần Thị H.** Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 12/5/1991. Tại Thanh Hóa.

HKTT: Tổ dân phố 5, phường E, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn H1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không có.

Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1960; Bị cáo là con út trong gia đình có 04 anh chị em.

Bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Trung H2 (sinh năm 1994) và có 03 con (sinh năm 2010, 2014, 2016).

Tiền sự, tiền án: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2019 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N1.

**3. Trần Minh N2** (tên gọi khác: K1). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 02/01/1994. Tại Đồng Nai.

HKTT: Ấp H3, xã N3, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố P1, thị trấn H1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T2, sinh năm 1971 (đã chết) và bà Trần A M, sinh năm 1970; Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh chị em.

Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Điều Thị M1 (sinh năm 1996) và có 01 con sinh tháng 6/2020.

Tiền sự: Ngày 06/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Đồng Nai ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng. Chấp hành xong ngày 26/4/2019.

Tiền án: Ngày 15/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B2, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/02/2015 đã chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 14/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/5/2016 đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2019 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N1.

**4. Đinh Tấn T3.** Giới tính: Nam.

Sinh ngày 26/6/1989. Tại Hậu Giang.

HKTT: Ấp 3, xã V, thành phố V1, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã L1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn Đ1, sinh năm 1943 và bà Trần Thị Đ2, sinh năm 1952; Bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 06 anh chị em.

Bị cáo có vợ là chị Trần Thị P2 (sinh năm 1987) và có 02 con (sinh năm 2016 và tháng 6/2020).

Tiền sự, tiền án: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/11/2019 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N1.

(Các bị cáo có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/11/2019, do muốn có ma túy để sử dụng và biết Trần Thị H có ý định mua bán ma túy để kiếm lời, nên Đỗ Nhật T đã gọi điện thoại cho Trần Thị H gom số tiền 10.000.000 đồng, để T đi mua ma túy về bán lại cho H thì H đồng ý. Sau đó, T điện thoại cho một người phụ nữ tên C1 (chưa rõ nhân thân) ở T4, Thành Phố Hồ Chí Minh hỏi mua 03 gói ma túy (03 hộp 10 ma túy) với giá 12.000.000 đồng, C1 đồng ý hẹn gặp T ở khu vực chợ quận T4, Thành Phố Hồ Chí Minh. Sau đó, T đi xe Grab đến gặp H lấy số tiền 10.000.000 đồng của H và bỏ thêm số tiền 2.000.000 đồng cho đủ 12.000.000 đồng rồi đi đến khu vực chợ quận T4, Thành Phố Hồ Chí Minh gặp C1 nhận 03 gói ma túy (03 hộp 10 ma túy) được cất giấu trong hộp quà sinh nhật và trả cho C1 12.000.000 đồng rồi đi về phòng trọ của H tại khu phố P, thị trấn H1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, T đưa cho H 02 gói ma túy (02 hộp 10 ma túy) và nói với H mua hết 10.000.000 đồng, còn T giữ lại 01 gói ma túy (01 hộp 10 ma túy) để sử dụng. Sau khi bán ma túy cho H xong, T rủ nam thanh niên tên P3 (chưa rõ nhân thân) đến phòng trọ của H cùng sử dụng ma túy hết một ít. Sau khi sử dụng ma túy xong, T đem số ma túy còn lại đi về nhà tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và sử dụng hết.

Sau khi mua ma túy của T, H phân 02 gói ma túy (02 hộp 10 ma túy) thành nhiều gói nhỏ và cất giấu tại phòng trọ để sử dụng và bán cho các con nghiện. Vào lúc 05 giờ ngày 25/11/2019 Trần Minh N2 gọi điện thoại cho Trần Thị H hỏi mua ma túy, H đồng ý bán, N2 điều khiển xe mô tô biển số 64K2 – 0725 đến phòng trọ của H lấy 01 gói ma túy và trả tiền cho H 1.700.000 đồng, đến 20 giờ ngày 26/11/2019 N2 đến phòng trọ của Trần Thị H mua 01 gói ma túy với giá 1.700.000 đồng, đến khoảng 21 giờ ngày 27/11/2019 N2 tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 64K2 – 0725 đến phòng trọ của H mua 01 gói ma túy với số tiền 2.700.000 đồng rồi đi về phòng trọ của N2 ở ấp 2, xã L1, huyện N1. Tại đây, N2 sử dụng 01 cái kéo, bao nylon, hộp quẹt ga để phân nhỏ thành 06 gói nhỏ và 01 gói lớn để bán lại cho các con nghiện. Đến 23 giờ ngày 27/11/2019 Trần Minh N2 nhắn tin cho T3 nói T3 đến phòng trọ của N2 để N2 trả tiền mà N2 đã mượn của T3 trước đó, nhận được tin nhắn T3 điều khiển xe mô tô biển số 95C1 – 123.04 đến phòng trọ của N2 và nói N2 đưa ma túy cho T3 để trừ nợ số tiền 600.000 đồng, N2 đồng ý đưa cho T3 03 gói ma túy, T3 lấy 03 gói ma túy đem cất giấu trong ốp lưng điện thoại vừa đi ra khỏi nhà trọ thì bị Lực lượng Cảnh sát Kinh tế - Ma túy Công an huyện N1 phối hợp cùng Công an xã L1 phát hiện bắt giữ. T3 khai số ma túy trên là mua của N2 nên Lực lượng Cảnh sát Kinh tế - Ma túy Công

an huyện N1 tiếp tục kiểm tra nơi ở của N2 thu giữ thêm 01 gói nylon kích thước 4x5cm và 03 gói nylon kích thước 0,5x2cm đều được hàn kín, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng cất giấu ở trong góc phòng trọ cùng một số dụng cụ sử dụng ma túy. N2 khai nhận ma túy trên mua của Trần Thị H lúc 21 giờ ngày 27/11/2019 tại phòng trọ của H ở khu phố P, thị trấn H1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai với giá 2.700.000 đồng. Tổ công tác đưa Trần Minh N2 và Đinh Tấn T3 về trụ sở Công an xã L1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy đối với N2 và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với T3.

Sau đó, lực lượng Cảnh sát Kinh tế - Ma túy Công an huyện N1 tiến hành kiểm tra phòng trọ của Trần Thị H ở khu phố P, thị trấn H1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai và phát hiện, thu giữ thêm 02 gói nylon chứa tinh thể rắn màu trắng được hàn kín, 01 cái kéo, 01 cái cân tiểu ly, 01 xe mô tô Honda Click biển số 60C1-290.46, số tiền 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có gắn sim Mobifone; 01 điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim Mobifone. Tại cơ quan điều tra H khai nhận số ma túy Công an thu giữ qua khám xét tại phòng trọ và số ma túy bán cho N2 vào ngày 27/11/2019 là của H mua của Đỗ Nhật T với giá 10.000.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/11/2019, Lực lượng Cảnh sát Kinh tế - Ma túy Công an huyện N1 tiến hành bắt giữ khẩn cấp Đỗ Nhật T tại khu phố P, thị trấn H1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Oppo có gắn sim Mobifone và vietnammobile, số tiền 2.000.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 60G1-102.74. Qua đấu tranh Đỗ Nhật T khai nhận toàn bộ việc bán ma túy cho H vào ngày 24/11/2019 như trên.

Tại bản kết luận giám định số: 1549/KLGD-PC09 ngày 05/12/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Đinh Tấn T3 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3445 gam, loại: Methamphetamine; mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) thu giữ của Trần Minh N2 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 2,8128 gam, loại: Methamphetamine; mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M3) thu giữ của Trần Thị H được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 19,5492 gam, loại: Methamphetamine.

\* Vật chứng vụ án:

+ 03 gói nylon hàn kín, kích thước 01x02cm, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng thu giữ; 01 điện thoại Iphone 6S màu bạc, có ốp lưng, màn hình bị bể, có gắn thẻ sim Mobifone có số seri 8401 1610 5279 5273OT; 01 xe mô tô Exciter màu đỏ trắng, gắn biển số 95C1-123.04 thu giữ của Đinh Tấn T3.

+ 01 gói nylon hàn kín, kích thước 04x05cm, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng; 03 gói nylon hàn kín, kích thước 0,5x02cm, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng; 01 bình nhựa có gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh; 01 cái kéo; 01 hộp quẹt ga; 01 điện thoại Samsung màu tím nhạt, có gắn thẻ sim Mobifone có số seri là 8984 04800 00590 45459; 01 điện thoại Nokia màu đen, có gắn thẻ sim

Viettel có số seri 8984 04800 00569 91359 và 01 xe mô tô Dream (Trung quốc) màu nâu, không bửng, gắn biển số 64K2-0725 thu giữ của Trần Minh N2.

+ 02 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 01 cái kéo; 01 cái cân tiểu ly; 01 xe mô tô hiệu Honda loại Click biển số 60C1-290.46; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có gắn sim Mobifone; 01 điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim Mobifone và số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Trần Thị H.

+ 01 xe mô tô biển số 60G1-102.74; 01 điện thoại di động hiệu Oppo có gắn sim Mobifone có số seri 84011811 5047 0373WD và sim Vietnammobile có số seri 8984 0509 1810 1896 6413 và số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Đỗ Nhật T.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N1 các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội cùng các tình tiết, vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 45/CT.VKS-NT ngày 15/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố các bị cáo: Đỗ Nhật T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trần Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trần Minh N2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Đinh Tấn T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Gia đình bị cáo Đỗ Nhật T cung cấp văn bản thể hiện Tổ quốc ghi công, bằng tặng hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đối với liệt sĩ Phạm Văn L2 là anh ruột của mẹ bị cáo T và có xác nhận của UBND xã B huyện L về mối quan hệ nhân thân bị cáo T. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố chấp nhận tính pháp lý về tài liệu, chứng cứ nêu trên là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng có quan điểm không thay đổi so với bản cáo trạng, giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đỗ Nhật T mức án từ 09 năm tù đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Trần Minh N2 mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo Đinh Tấn T3 mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.



Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Tòa tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: M1 = 0,3184 gam, M2 = 2,7717 gam, M3 = 19,4813 gam, đã được niêm phong trong gói số: 1549/KLGD-PC09 ngày 13/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bình nhựa có gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh; 02 cái kéo; 01 hộp quét ga; 01 cái cân tiểu ly; 01 sim Mobifone có số seri 8401 1610 5279 5273OT; 01 sim Mobifone có số seri là 8984 04800 00590 45459; 01 sim Viettel có số seri 8984 04800 00569 91359; 02 sim Mobifone; 01 sim Mobifone có số seri 8401 1811 5047 0373WD và 01 sim Vietnammobile có số seri 8984 0509 1810 1896 6413 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6S màu bạc, có ốp lưng, màn hình bị bể của Đinh Tấn T3; 01 điện thoại Samsung màu tím nhạt và 01 điện thoại Nokia màu đen của Trần Minh N2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Trần Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Đỗ Nhật T, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Tuyên buộc bị cáo Đỗ Nhật T giao nộp số tiền 2.000.000 đồng, Trần Thị H giao nộp số tiền 6.100.000 đồng, Trần Minh N2 giao nộp số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy để sung công quỹ Nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Nhật T và số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Thị H để đảm bảo thi hành án.

- Trả 01 xe mô tô biển số 60G1-102.74 cho bị cáo Đỗ Nhật T do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với người phụ nữ tên C1 đã bán ma túy cho T tại khu vực quận T4, Thành Phố Hồ Chí Minh và nam thanh niên tên P3, do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N1 tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với 03 xe mô tô biển số 64K2-0725, 95C1-123.04 và 60C1-290.46, do chưa làm việc được với chủ sở hữu và xác minh rõ nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N1 tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai

nhận tội của các bị cáo phù hợp biên bản bắt người có hành vi phạm tội cùng các tình tiết, vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Nhật T, Trần Thị H, Trần Minh N2 và Đinh Tấn T3 khai nhận: Các bị cáo đều là những đối tượng nghiện ma túy. Ngày 24/11/2019, Đỗ Nhật T đến quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người phụ nữ tên C1 (chưa rõ nhân thân) mua 03 gói ma túy (03 hộp 10 ma túy) loại Methamphetamine với giá 12.000.000 đồng đi về phòng trọ của Trần Thị H tại thị trấn H1, huyện N1 bán lại cho H 02 gói ma túy (02 hộp 10 ma túy) với giá 10.000.000 đồng, còn 01 gói ma túy (01 hộp 10 ma túy) Đỗ Nhật T để lại và sử dụng hết. Vào các ngày 25, 26 và 27/11/2019 Trần Thị H phân nhỏ số ma túy mua của Đỗ Nhật T thành nhiều tép nhỏ rồi đem bán lại cho Trần Minh N2 tổng cộng 03 gói ma túy với tổng số tiền là 6.100.000 đồng. Ngày 27/11/2019 Trần Minh N2 mua 01 gói ma túy của Trần Thị H với giá 2.700.000 đồng đem về phòng trọ tại ấp 2, xã L1, huyện N1, tỉnh Đồng Nai phân chia được 06 gói ma túy nhỏ và 01 gói ma túy lớn rồi bán lại cho Đinh Tấn T3 03 gói ma túy nhỏ với giá 600.000 đồng thì bị Lực lượng Cảnh sát Kinh tế - Ma túy Công an huyện N1 phát hiện bắt giữ.

+ Đỗ Nhật T đã bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine cho Trần Thị H 01 lần với tổng khối lượng ma túy thu giữ được là 22,7065 gam, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.000.000 đồng.

+ Trần Thị H đã bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine cho Trần Minh N2 03 lần với tổng khối lượng ma túy thu giữ được là 3,1573 gam, thu lợi bất chính tổng số tiền 6.100.000 đồng và số ma túy H đang tàng trữ chưa kịp bán là 19,5492 gam. Tổng số ma túy của Trần Thị H là 22,7065 gam

+ Trần Minh N2 đã bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine cho Đinh Tấn T3 01 lần với tổng khối lượng ma túy thu giữ được là 0,3445 gam, thu lợi bất chính tổng số tiền 600.000 đồng và số ma túy N2 đang tàng trữ chưa kịp bán là 2,8128 gam. Tổng số ma túy của Trần Minh N2 là 3,1573 gam.

+ Đinh Tấn T3 đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng là 0,3445 gam.

Bản thân các bị cáo nhận thức được việc mua bán chất ma túy, tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và tội phạm đã hoàn thành. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Nhật T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trần Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trần Minh N2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Đinh Tấn T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Xét hành vi của các bị cáo: Vì để có tiền sử dụng ma túy và muốn bán ma túy để kiếm lời thỏa mãn nhu cầu cuộc sống cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây thiệt hại đến sức khỏe, sự phát triển bình thường của con người do tác hại, mặt trái của ma túy mà các bị cáo đều nhận thức được.

Bị cáo T, bị cáo N2 có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích nhưng vẫn không có ý thức rèn luyện tư dưỡng bản thân lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng mức độ phạm tội của hai bị cáo nêu trên mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H và T3 không có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo H đã 3 lần bán ma túy cho N2 nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên.

Đồng thời, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T, H, N2, T3 đã thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, gia đình bị cáo Đỗ Nhật T có cung cấp tài liệu, chứng cứ về liệt sĩ Phạm Văn L2 là anh ruột của mẹ bị cáo và có xác nhận của UBND xã B, huyện L về mối quan hệ nhân thân bị cáo. Điều đó thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, với tổ quốc trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để các bị cáo nhận thức, cải tạo, giáo dục trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội, bên cạnh sự răn đe và phòng ngừa chung của chính sách pháp luật hình sự.

[3] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: M1 = 0,3184 gam, M2 = 2,7717 gam, M3 = 19,4813 gam, đã được niêm phong trong gói số: 1549/KLGD-PC09 ngày 13/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bình nhựa có gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh; 02 cái kéo; 01 hộp quẹt ga; 01 cái cân tiểu ly; 01 sim Mobifone có số seri 8401 1610 5279



5273OT; 01 sim Mobifone có số seri là 8984 04800 00590 45459; 01 sim Viettel có số seri 8984 04800 00569 91359; 02 sim Mobifone; 01 sim Mobifone có số seri 8401 1811 5047 0373WD và 01 sim Vietnammobile có số seri 8984 0509 1810 1896 6413 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6S màu bạc, có ốp lưng, màn hình bị bể của Đinh Tấn T3; 01 điện thoại Samsung màu tím nhạt và 01 điện thoại Nokia màu đen của Trần Minh N2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Trần Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Đỗ Nhật T, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Nhật T và số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Thị H để đảm bảo thi hành án.

- Trả 01 xe mô tô biển số 60G1-102.74 cho bị cáo Đỗ Nhật T do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 001027 ngày 16/4/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện N1 và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N1).

- Tuyên buộc bị cáo Đỗ Nhật T giao nộp số tiền 2.000.000 đồng, Trần Thị H giao nộp số tiền 6.100.000 đồng, Trần Minh N2 giao nộp số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Các bị cáo T, H, N2, T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Vấn đề khác: Đối với người phụ nữ tên C1 đã bán ma túy cho T tại khu vực quận T4, Thành Phố Hồ Chí Minh và nam thanh niên tên P3, do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N1 tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với 03 xe mô tô biển số 64K2-0725, 95C1-123.04 và 60C1-290.46, do chưa làm việc được với chủ sở hữu và xác minh rõ nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N1 tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N1, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tuyên bố bị cáo **Đỗ Nhật T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Nhật T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/11/2019.

Căn cứ điểm b, điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tuyên bố bị cáo **Trần Thị H** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/11/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tuyên bố bị cáo **Trần Minh N2** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh N2 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/11/2019.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tuyên bố bị cáo **Đinh Tấn T3** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đinh Tấn T3 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/11/2019.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

#### **Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án:**

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: M1 = 0,3184 gam, M2 = 2,7717 gam, M3 = 19,4813 gam, đã được niêm phong trong gói số: 1549/KLGD-PC09 ngày 13/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bình nhựa có gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh; 02 cái kéo; 01 hộp quẹt ga; 01 cái cân tiểu ly; 01 sim Mobifone có số seri 8401 1610 5279 5273OT; 01 sim Mobifone có số seri là 8984 04800 00590 45459; 01 sim Viettel có số seri 8984 04800 00569 91359; 02 sim Mobifone; 01 sim Mobifone có số seri 8401 1811 5047 0373WD và 01 sim Vietnammobile có số seri 8984 0509 1810 1896 6413 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6S màu bạc, có ốp lưng, màn hình bị bể của Đinh Tấn T3; 01 điện thoại Samsung màu tím nhạt và 01 điện thoại Nokia màu đen của Trần Minh N2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Trần Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Đỗ Nhật T, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Nhật T và số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Thị H để đảm bảo thi hành án.

- Trả 01 xe mô tô biển số 60G1-102.74 cho bị cáo Đỗ Nhật T do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 001027 ngày 16/4/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện N1 và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N1).

- Tuyên buộc bị cáo Đỗ Nhật T giao nộp số tiền 2.000.000 đồng, Trần Thị H giao nộp số tiền 6.100.000 đồng, Trần Minh N2 giao nộp số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với người phụ nữ tên C1 đã bán ma túy cho T tại khu vực quận T4, Thành Phố Hồ Chí Minh và nam thanh niên tên P3, do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N1 tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với 03 xe mô tô biển số 64K2-0725, 95C1-123.04 và 60C1-290.46, do chưa làm việc được với chủ sở hữu và xác minh rõ nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N1 tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

**Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đỗ Nhật T, Trần Thị H, Trần Minh N2 và Đinh Tấn T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Công an H. N1;
- Chi cục THADS H. N1;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**